

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2025/HNGĐ-ST.

Ngày: 26/9/2025.

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - QUẢNG NGÃI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Tiên.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Trọng.

2. Ông Nguyễn Văn Huynh.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Quảng Ngãi.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Quảng Ngãi tham gia phiên tòa:
Bà Đàm Thị Bé - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 38/2025/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 7 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 25/8/2025 và quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10/9/2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị N, sinh năm 1985 (Có mặt).

Địa chỉ: Làng D, xã I, tỉnh Gia Lai.

- *Bị đơn:* Anh Trần Ngọc S, sinh năm 1982 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17/7/2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thị N trình bày và yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chị và anh Trần Ngọc S tự nguyện kết hôn với nhau, khi kết hôn có làm thủ tục đăng ký kết hôn và được UBND thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum (nay là UBND xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 17/3/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc và thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung. Anh Trần Ngọc S thường xuyên uống rượu, bia về đánh đập vợ con nên vợ chồng đã sống ly thân được khoảng 09 năm. Nay chị Hoàng Thị N nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, tình nghĩa vợ chồng không còn

nguyên nhân là do anh Trần Ngọc S không lo làm ăn, thường xuyên nhậu nhẹt say xỉn về đánh đập vợ, con; vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm và không còn thương yêu, chăm sóc cho nhau. Vì vậy, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Ngọc S.

- *Về con chung*: Vợ chồng có 01 con chung là Trần Kim L, sinh ngày 21/11/2011 hiện tại cháu đang ở với mẹ. Khi ly hôn chị Hoàng Thị N yêu cầu giải quyết cho chị được nuôi con chung và không yêu cầu anh Trần Ngọc S cấp dưỡng tiền nuôi con.

- *Về tài sản chung*: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn anh Trần Ngọc S. Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng không đến Tòa án để làm việc và vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

*** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến tại phiên tòa:**

- *Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án*: Thấy rằng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia phiên tòa*: Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án*: Kiểm sát viên đề nghị HĐXX căn cứ: Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đề nghị chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn chị Hoàng Thị N.

Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị N được ly hôn với anh Trần Ngọc S.

Về con chung: Giao con chung là Trần Kim L, sinh ngày 21/11/2011 cho chị Hoàng Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Chị Hoàng Thị N không yêu cầu anh Trần Ngọc S cấp dưỡng tiền nuôi con chung nên anh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thấy rằng việc Tòa án nhân dân khu vực 9 - Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật. Ngoài ra, bị đơn anh Trần Ngọc S đã được Tòa án niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Như vậy, anh Trần Ngọc S đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự để xử vắng mặt bị đơn anh Trần Ngọc S theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Hoàng Thị N và anh Trần Ngọc S tự nguyện kết hôn với nhau và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn Đ, huyện Đ, tỉnh Kon Tum (nay là UBND xã Đ, tỉnh Quảng Ngãi) vào ngày 17/3/2008. Do đó quan hệ hôn nhân giữa chị Hoàng Thị N và anh Trần Ngọc S là hôn nhân hợp pháp.

[2.2] Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng: Theo chị Hoàng Thị N trình bày thì sau khi kết hôn vợ chồng sống không hạnh phúc và thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, anh Trần Ngọc S thường xuyên uống rượu và đánh đập chị ngoài ra không chăm lo làm ăn không quan tâm gì đến gia đình vợ, con và vợ chồng đã sống ly thân nhiều năm. Tại phiên tòa chị Hoàng Thị N khẳng định, hiện nay giữa chị và anh Trần Ngọc S không có tình nghĩa vợ chồng, vợ chồng không còn thương yêu, quý trọng, không quan tâm chăm sóc cho nhau, anh Trần Ngọc S đã bỏ mặc vợ, con và không thay đổi tính tình nên chị tha thiết xin được ly hôn với anh Trần Ngọc S để ổn định cuộc sống và chăm sóc con. Như vậy, có thể thấy tình nghĩa vợ chồng giữa chị Hoàng Thị N và anh Trần Ngọc S không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị N và anh Trần Ngọc S là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về con chung: Khi ly hôn chị Hoàng Thị N có nguyện vọng được nuôi con chung là Trần Kim L, sinh ngày 21/11/2011 cho đến khi con đủ 18 tuổi và không yêu cầu anh Trần Ngọc S cấp dưỡng tiền nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay thì chị Hoàng Thị N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, hiện nay cháu Trần Kim L cũng đang ở với mẹ, bản thân anh Trần Ngọc S không quan tâm gì đến con ngoài ra cháu Trần Kim L cũng có nguyện vọng được ở với mẹ là chị Hoàng Thị N. Vì vậy, căn cứ Điều 58, Điều 81 và Điều 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 giao con chung Trần Kim L, sinh ngày 21/11/2011 cho chị Hoàng Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng nuôi con mặc dù đã được giải thích nhưng chị Hoàng Thị N vẫn giữ ý kiến không yêu cầu anh Trần Ngọc S cấp dưỡng nuôi con nên anh S không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 144; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228; Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” của nguyên đơn chị Hoàng Thị N.

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Hoàng Thị N được ly hôn với anh Trần Ngọc S.

2. *Về con chung:* Giao con chung là Trần Kim L, sinh ngày 21/11/2011 cho chị Hoàng Thị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Anh Trần Ngọc S không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. *Về án phí dân sự sơ thẩm:*

Chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000477 ngày 31/7/2025 của Thi hành án dân sự Quảng Ngãi (ngày nộp tiền vào tài khoản Ngân hàng 21/7/2025).

4. *Về quyền kháng cáo:*

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại UBND xã, phường nơi cư trú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 (7a, 7b) và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 9;
- Phòng THADS khu vực 9;
- UBND xã Đăk Tô, tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Hữu Tiến

